

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LÊ THỊ THANH THỦY

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA
GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG KHU
VỰC NAM BỘ TIẾP CẬN QUẢN LÝ THEO KẾT QUẢ (RBM)**

Ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 9140114

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
– Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Võ Văn Lộc
2. TS. Vũ Thị Lan Hương

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở đào tạo họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh vào hồi....giờ.....ngày.....tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện:

- Thư viện Trung tâm - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đổi mới QL hoạt động NCKH tại các trường ĐHĐP là nhiệm vụ cấp bách trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, đặc biệt là trong lĩnh vực NCKH. Thực tế, hoạt động NCKH của GV ở các trường ĐHĐP được đánh giá ở mức tương đối thấp do số lượng công trình mang tầm vóc quốc tế chưa nhiều, tính ứng dụng của các công trình chưa cao. Muốn giải quyết vấn đề này, các trường ĐHĐP cần phải đổi mới, tìm ra giải pháp QL hiệu quả hơn.

Trong các cách tiếp cận QL nổi bật hiện nay, RBM đang được áp dụng cho nhiều lĩnh vực, đạt kết quả khả quan trong các lĩnh vực liên quan đến QL hành chính công, QL trong các cơ sở hành chính sự nghiệp, bởi tính hiệu quả có nó thông qua việc đổi mới quá trình xây dựng kế hoạch, hệ thống kiểm soát, đánh giá kết quả và kết quả đầu ra (những tác động) trên cơ sở tối ưu hoá khả năng của người lao động thực hiện hoạt động nhằm đạt kết quả đầu ra cao nhất với chi phí thấp nhất. Yếu tố này rất phù hợp với hoạt động đặc biệt như NCKH.

Vì vậy, tác giả chọn đề tài “Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả (RBM)” để nghiên cứu luận án.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- 1) Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở lý luận.
- 2) Phân tích và đánh giá thực trạng.
- 3) Đề xuất các biện pháp.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ trong mối quan hệ với các yếu tố ảnh hưởng.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ tiếp cận RBM, tập trung quy trình QL.

4. Câu hỏi nghiên cứu

1) Những cơ sở lý luận nào là nền tảng QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP theo tiếp cận RBM?

2) Thực trạng hoạt động NCKH của GV và công tác QL hoạt động này tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ theo tiếp cận RBM hiện nay như thế nào?

3) Những biện pháp nào có thể được đề xuất nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả QL hoạt động NCKH của GV tại các ĐHĐP khu vực Nam Bộ theo tiếp cận RBM?

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

1) Tổng hợp và phân tích lý thuyết, từ đó xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu.

2) Khảo sát và thu thập dữ liệu thực tiễn, phân tích thực trạng, xác định điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả nghiên cứu.

3) Đề xuất biện pháp, kiểm chứng tính khả thi và tính hiệu quả.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Về nội dung: Chủ thể QL chính được xác định là hiệu trưởng các ĐHĐP, với vai trò điều hành, tổ chức và thực hiện các chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH; sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường.

6.2. Về không gian: Luận án được thực hiện tại 7/7 trường ĐHĐP ở khu vực Nam Bộ: Trường ĐH Thủ Dầu Một; Trường ĐH Đồng Nai; Trường ĐH Sài Gòn; Trường ĐH Trà Vinh; Trường ĐH Bạc Liêu; Trường ĐH Tiền Giang; Trường ĐH Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ.

6.3. Về thời gian: năm 2017 – năm 2024.

6.4. Về đối tượng khảo sát: Nhóm 1: CBQL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ; Nhóm 2: GV cơ hữu tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ.

7. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Hướng tiếp cận nghiên cứu: Hệ thống – cấu trúc, mục tiêu, từ thực tiễn, RBM.

7.2. Phương pháp nghiên cứu:

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận: Phân loại và hệ thống hoá lý thuyết; Phân tích, tổng hợp lý thuyết.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Điều tra bằng bảng hỏi; Phỏng vấn; Nghiên cứu sản phẩm hoạt động; Thực nghiệm.

7.2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu: Xử lý dữ liệu định lượng; Xử lý dữ liệu định tính.

8. Luận điểm bảo vệ của luận án

1) QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ tiếp cận RBM là có cơ sở lý thuyết vững chắc.

2) Hoạt động NCKH của GV và công tác QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ hiện nay đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

3) Các biện pháp QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ tiếp cận RBM do luận án đề xuất có tính cấp thiết và khả thi cao, có hiệu quả khi áp dụng vào thực tiễn.

9. Đóng góp của luận án

9.1. Về mặt lý luận

Hệ thống hóa các nghiên cứu đi trước về vấn đề nghiên cứu; Phân tích và phát triển lý luận về hoạt động NCKH của GV tại trường ĐH theo mô hình chuỗi kết quả; xây dựng lý luận về QL hoạt động NCKH

của GV tại trường ĐH tiếp cận RBM theo quy trình QL do tác giả đề xuất.

9.2. Về mặt thực tiễn

Mô tả, phân tích, đánh giá, làm rõ nguyên nhân thực trạng QL hoạt động NCKH của GV ở các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ tiếp cận RBM; Đề xuất được các biện pháp QL có tính cần thiết, khả thi cao và có thể áp dụng vào thực tiễn QL các trường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục và danh mục công trình đã công bố của tác giả, luận án được chia thành 4 chương.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIẾP CẬN QUẢN LÝ THEO KẾT QUẢ (RBM)

1.1. Tổng quan nghiên cứu về về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả (RBM)

1.1.1. Nghiên cứu về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1.1.2. Nghiên cứu về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1.1.3. Nghiên cứu về quản lý theo kết quả (RBM)

1.1.4. Đánh giá và nhận định

1) QL hoạt động NCKH ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nghiên cứu và uy tín học thuật của các trường ĐH.

2) GV tại các ĐHDP thường gặp khó khăn lớn về nguồn lực, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghiên cứu.

3) RBM là một phương thức QL hiện đại, nhấn mạnh kết quả đầu ra thay vì chỉ tập trung vào quá trình thực hiện, có nền tảng lý thuyết và thực tiễn vững chắc, tạo tiền đề để phát triển mô hình QL hiệu quả hơn

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Quản lý

1.2.2. Quản lý theo kết quả

1.2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1.2.4. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả

QL hoạt động NCKH của GV ĐH tiếp cận RBM là quá trình chủ thể QL trường ĐH xác định một cách cụ thể các mức độ kết quả NCKH mà GV cần đạt được và tác động đến những nguồn lực, quá trình thực hiện NCKH của GV nhằm đạt được các mức độ kết quả đó.

1.2.5. Trường đại học địa phương

1.3. Lý luận về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học theo logic chuỗi kết quả

1.3.1. Chuỗi kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học

1) Đầu vào cho hoạt động NCKH của GV trường ĐH là toàn bộ các nguồn lực của có thể phục vụ hoạt động NCKH của GV trường ĐH, bao gồm nguồn lực GV, nguồn lực CSVCKT, nguồn lực tài chính, nguồn lực thông tin KH-CN, nguồn lực các bên liên quan; 2) Quá trình hoạt động NCKH của GV trường ĐH là các công việc GV thực hiện, sử dụng các nguồn lực đầu vào để tạo ra các kết quả NCKH theo một quy trình nhất định; 3) Đầu ra của hoạt động NCKH của GV trường ĐH là

sản phẩm NCKH của GV; 4) Kết quả đầu ra của hoạt động NCKH của GV trường ĐH là ảnh hưởng từ sản phẩm NCKH của GV đến các đối tượng trung gian đưa sản phẩm này ra ứng dụng trong thực tiễn xã hội, bao gồm chính bản thân GV, trường ĐH và đơn vị thụ hưởng/ đơn vị nhận chuyển giao KH-CN; 5) Tác động của hoạt động NCKH của GV trường ĐH là những ảnh hưởng của sản phẩm NCKH của GV trên các khía cạnh của đời sống xã hội và chiều hướng của nó sau khi được ứng dụng trong thực tiễn.

1.3.2. Các thành tố của chuỗi kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học

1.3.2.1. Đầu vào

1) Nguồn lực GV: Số lượng GV; Trình độ và chuyên ngành phù hợp chiến lược NCKH của trường; Kỹ năng, phẩm chất, thái độ NCKH.

2) Nguồn lực CSVCKT: Phòng chức năng; Phòng thực hành, nhà xưởng; Thư viện; Máy móc, phương tiện kỹ thuật, thiết bị CNTT; Nguyên vật liệu; Văn phòng phẩm.

3) Nguồn lực tài chính: Quỹ phát triển KH-CN các cấp; Nguồn thu từ hoạt động NCKH; Nguồn huy động hợp pháp khác từ ngân sách và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Tỷ lệ kinh phí trường phân bổ cho hoạt động NCKH.

4) Nguồn lực thông tin KH-CN: Tư liệu khoa học bản cứng lưu trữ trong thư viện; Tư liệu khoa học bản mềm lưu trữ trong thư viện; Quyền truy cập cơ sở dữ liệu khoa học trong nước; Quyền truy cập cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế.

5) Nguồn lực các bên liên quan: Hợp tác NCKH giữa trường với các trường ĐH và các tổ chức KH-CN khác; Mối liên hệ giữa trường với các cơ quan QL nhà nước, hành chính sự nghiệp; Sự liên kết giữa

trường với các tổ chức KT-XH tư nhân trong nước; Sự liên kết giữa trường với các tổ chức KT-XH tư nhân ngoài nước.

1.3.2.2. Quá trình

1) *Quá trình thực hiện các bước NCKH của GV*: Lựa chọn đề tài nghiên cứu; Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu; Thu thập và xử lý thông tin; Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu; Công bố kết quả nghiên cứu; Phản biện và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

2) *Quá trình thực hiện phân bổ đầu vào cho GV thực hiện các bước NCKH của các chủ thể QL*: Hội đồng trường; HT; Phòng QL về NCKH/KH-CN; Trưởng/Phó trưởng khoa; Các phòng ban trực thuộc khác.

1.3.2.3. Đầu ra

1) Các sản phẩm NCKH của GV; 2) Giờ chuẩn quy đổi.

1.3.2.4. Kết quả đầu ra

1) bản thân GV; 2) trường ĐH; 3) đơn vị thụ hưởng (áp dụng) đầu ra.

1.3.2.5. Tác động

1) Tác động thuận, thúc đẩy sự phát triển KT-XH; 2) Tác động nghịch, gây thiệt hại về KT-XH; 3) Tác động ngoại biên.

1.4. Lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả (RBM)

1.4.1. Quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học tiếp cận quản lý theo kết quả

1.4.2. Các bước quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả

1.4.2.1. Xây dựng ma trận kết quả và dự báo rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Xác định tác động, hiệu quả và các đầu ra mong muốn; 2) Dự kiến mức độ nguồn lực thực hiện cần thiết; 3) Đề xuất rủi ro và các giả định.

1.4.2.2. Triển khai và giám sát quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Lập kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của GV; 2) Triển khai quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của GV; 3) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của GV; 4) Cải tiến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của GV.

1.4.2.3. Đánh giá đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Thu thập thông tin về sản phẩm NCKH của GV; 2) Thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm NCKH của GV; 3) Triển khai và giám sát quá trình đánh giá sản phẩm NCKH của GV; 4) Thu thập báo cáo đánh giá sản phẩm NCKH của GV; 5) Xem xét lại báo cáo đánh giá và tổ chức đánh giá lại nếu cần.

1.4.2.4. Triển khai ứng dụng và đo lường kết quả đầu ra của nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Xác định hình thức giao quyền ứng dụng sản phẩm NCKH của GV; 2) Tuyển chọn đơn vị đối tác để giao quyền; 3) Triển khai và giám sát giao quyền; 4) Đảm bảo sở hữu trí tuệ khi giao quyền; 5) Thiết lập kênh thông tin với đối tác; 6) Trao đổi thông tin và thu thập phản hồi cá tích cực và tiêu cực; 7) Đánh giá phản hồi bằng các chỉ số, mức độ cụ thể; 8) So sánh phản hồi với các chuẩn hiệu quả đã xác định ở ma trận kết quả ban đầu; 9) Triển khai biện pháp để điều chỉnh hiệu quả.

1.4.2.5. Thu thập thông tin và đánh giá tác động từ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Thu thập thông tin từ các cá nhân, tổ chức tham gia chuyển giao công nghệ; 2) Điều tra xã hội học; 3) Dự báo của chuyên gia; 4) So sánh thông tin với các tác động mong muốn đã xác định ban đầu; 5) Phân loại và đánh giá tác động; 6) Tổ chức học tập, điều chỉnh sao cho phù với những thay đổi và yêu cầu của thực tiễn.

1.4.2.6. Tổ chức giải trình, học tập và rút kinh nghiệm từ các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1) Công bố báo cáo NCKH của trường; 2) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; 3) Tổ chức hội nghị tổng kết kết quả NCKH của trường; 4) Tổ chức trao đổi kinh nghiệm NCKH của GV ở cấp Khoa, cấp Trường; 5) Tổ chức học tập kinh nghiệm QL hoạt động NCKH cho chuyên viên và CBQL.

1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường đại học

1.4.3.1. Yếu tố bên trong trường đại học

1) Cơ chế, chính sách, chiến lược của trường; 2) Môi trường tổ chức; 3) Nhận thức, kỹ năng, phẩm chất của CBQL trong hoạt động KH&CN; 4) Nhận thức, kỹ năng, phẩm chất của GV về NCKH

1.4.3.2. Yếu tố bên ngoài trường đại học

1) Chính sách của nhà nước về KH&CN; 2) Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; 3) Xu hướng toàn cầu hóa về KH&CN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Các nội dung lý luận trên trả lời câu hỏi nghiên cứu số 1 của luận án, làm cơ sở để tác giả tiến hành nghiên cứu các chương khác của luận án.

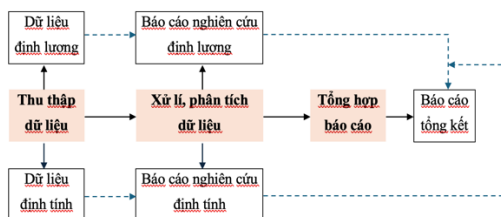
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC NAM BỘ TIẾP CẬN QUẢN LÝ THEO KẾT QUẢ (RBM)

2.1. Trường hợp nghiên cứu: Các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ (Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ) gồm có 7 trường, được nâng cấp thành trường đại học đa ngành từ trường Cao đẳng sư phạm, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực địa phương và cả nước.

2.2. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

Thiết kế hỗn hợp gắn kết. Trong đó, nghiên cứu định lượng là phương pháp chính, nghiên cứu định tính là phương pháp gắn kết.



2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Thu thập dữ liệu định lượng về thực trạng NCKH của GV và thực trạng QL hoạt động NCKH của GV ở các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ, từ đó, khái quát hoá được thực tiễn vấn đề nghiên cứu; Thu thập dữ liệu định lượng về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp QL

hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ do tác giả đề xuất, từ đó dự báo khả năng ứng dụng biện pháp trong thực tiễn.

2.3.2. Phương pháp phỏng vấn

Thu thập dữ liệu định tính về thực trạng NCKH và thực trạng QL hoạt động NCKH của GV ở các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ để so sánh với dữ liệu định lượng nhằm kiểm chứng, bổ sung, làm rõ và góp phần lý giải kết quả nghiên cứu định lượng đã tiến hành.

2.3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp

Thông qua các báo cáo, các văn bản, quy chế QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ để tìm hiểu đặc điểm QL hoạt động NCKH của GV tại các đơn vị này.

2.3.4. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm

Kiểm chứng giả thuyết khoa học, đánh giá tính hiệu quả biện pháp QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP tiếp cận RBM. Trên cơ sở đó, triển khai mô hình QL hoạt động NCKH của GV theo tiếp cận này tại các trường ĐH, nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần phát triển KT-XH.

2.4. Công cụ nghiên cứu

2.4.1. Bảng hỏi điều tra thực trạng

2.4.2. Bảng hỏi phỏng vấn

2.4.4. Bảng hỏi điều tra đánh giá thực nghiệm

2.5. Các phương pháp và công cụ xử lý dữ liệu nghiên cứu

- 1) Phương pháp xử lý dữ liệu định lượng.
- 2) Phương pháp xử lý dữ liệu định tính.

2.6. Các phương pháp phân tích dữ liệu

- 1) Phương pháp thống kê mô tả

- 2) Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể trường hợp mẫu độc lập (Independent Sample T-test)
- 3) Kiểm định mối liên hệ giữa hai biến định tính (Chi-square test)
- 4) Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai mẫu phụ thuộc (Paired Sample T-test)

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Những nội dung này là cơ sở để luận án thực hiện nghiên cứu thực trạng, biện pháp QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ tiếp cận RBM.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC NAM BỘ TIẾP CẬN QUẢN LÝ THEO KẾT QUẢ (RBM)

3.1. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ theo logic chuỗi kết quả

3.1.1. Mức độ đáp ứng của các đầu vào cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Kết quả điều tra thực trạng bằng bảng hỏi và phỏng vấn đều cho thấy các yếu tố đầu vào mới chỉ tương đối đáp ứng cho hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ. Kỳ vọng của GV và CBQL cao hơn rất nhiều so với chất lượng của nguồn lực này ở các trường tại thời điểm này.

3.1.2. Mức độ thực hiện quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Bên cạnh một số điểm tích cực, vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện quá trình NCKH của GV đến từ các lý do trong chính bản thân GV (nhận thức và năng lực NCKH chưa hoàn thiện, chưa có hứng thú và động cơ NCKH, kế hoạch làm việc chưa phù hợp...) và đến từ phía nhà trường (công tác giám sát chưa chặt chẽ, chưa có chính sách tạo động lực cho GV NCKH, phân bổ nguồn lực chưa kịp thời...).

Tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ, Phòng Quản lý về Khoa học được đánh giá là phân cấp QL thực hiện công tác QL hoạt động NCKH của GV hiệu quả, ở mức độ khá tốt. Các phân cấp QL còn lại được đánh giá thực hiện công tác QL hoạt động NCKH của GV ở mức trung bình gồm Trưởng/Phó trưởng khoa, Hiệu trưởng, các phòng ban trực thuộc khác, Hội đồng trường.

3.1.3. Tỷ lệ hoàn thành các đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ có sự ưu tiên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, công tác khác hơn là dành thời gian cho công tác NCKH. Mức độ đạt tổng số giờ chuẩn thực hiện trong năm học gần như phụ thuộc vào mức độ đạt số giờ chuẩn quy đổi từ sản phẩm NCKH.

3.1.4. Mức độ các kết quả đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

CBQL và GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ không đánh giá cao ảnh hưởng từ hoạt động NCKH đến bản thân GV. Bên cạnh ảnh hưởng đến bản thân người GV, hoạt động NCKH của GV tạo các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ còn được đánh giá là có ảnh hưởng đến nhà trường. Đối với các đơn vị thụ hưởng, hiệu quả ứng dụng sản phẩm

NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ chưa được đánh giá cao, ở mức tương đối cận mức chưa hiệu quả với ĐTB đánh giá chung dao động trong khoảng 2,70 – 2,93.

3.1.5. Mức độ tác động của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Tác động từ hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ đến đời sống KT-XH của địa phương vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH đã tạo ra. CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ cần mang hoạt động NCKH của GV của trường phục vụ thiết thực, hiệu quả hơn cho sự phát triển của địa phương, góp phần thực hiện chức năng của một trường ĐHĐP.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

3.2.1. Mức độ thực hiện công tác xây dựng ma trận kết quả và dự báo rủi ro của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Việc thực hiện các nội dung công tác xây dựng chiến lược hoạt động NCKH của GV của CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ mới ở mức trung bình ở tất cả các nội dung với ĐTB đánh giá chung dao động trong khoảng 3,05 – 3,37. Còn rất nhiều hạn chế trong công tác xây dựng chiến lược hoạt động NCKH của GV của CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ.

3.2.2. Mức độ thực hiện công tác triển khai và giám sát quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Công tác QL này đã có những nội dung tích cực. Song, vẫn còn nhiều hạn chế trong công tác này cần CBQL các trường quan tâm xây dựng giải pháp để thực hiện tốt hơn vai trò của mình, đảm bảo quá trình thực hiện NCKH của GV được thực hiện thuận lợi, đúng tiến độ, đạt được mục tiêu nghiên cứu đặt ra.

3.2.3. Mức độ thực hiện công tác đánh giá đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Các nội dung công tác đánh giá đầu ra của hoạt động NCKH của GV mới chỉ được CBQL các trường ĐHDP khu vực Nam Bộ thực hiện ở mức bình thường và chưa có hiệu quả nổi bật để “gia công” lại chất lượng của sản phẩm NCKH của GV trước khi đưa vào ứng dụng và thương mại hoá. Thực trạng này đòi hỏi cần có các biện pháp QL nhằm đổi mới công tác đánh giá đầu ra của hoạt động NCKH của GV sao cho công tác đánh giá phải hướng đến nâng cao chất lượng sản phẩm hơn là chỉ xếp loại. Cùng với đó, CBQL các trường cần đổi mới lưu trữ kết quả đánh giá để thuận tiện tra cứu và hậu kiểm.

3.2.4. Mức độ thực hiện công tác triển khai ứng dụng và đo lường kết quả đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Công tác này mới chỉ được đánh giá thực hiện ở mức độ trung bình với ĐTB đánh giá chung của hai nhóm khách thể CBQL và GV dao động trong khoảng 2,93 – 3,16. Với những đánh giá chưa tốt, CBQL các trường ĐHDP khu vực Nam Bộ phải cải tiến công tác QL ứng dụng sản phẩm của hoạt động NCKH của GV để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của GV. Trong đó, CBQL phải nhấn mạnh đến khâu thông tin

liên lạc giữa nhà trường với đơn vị nhận chuyển giao KH-CN để tìm đầu ra và duy trì kết nối trong quá trình thực hiện chuyển giao.

3.2.5. Mức độ thực hiện công tác thu thập thông tin và đánh giá tác động của hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Công tác thu thập thông tin và đánh giá tác động của hoạt động NCKH của GV của CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ mới chưa được đánh giá cao, ĐTB đánh giá chung của hai nhóm khách thể CBQL và GV dao động trong khoảng 3,03 – 3,20, ở mức độ trung bình, cần có biện pháp nâng cao hiệu quả công tác QL này.

3.2.6. Mức độ thực hiện công tác tổ chức giải trình, học tập và rút kinh nghiệm hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Chỉ có 1/5 nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện khá tốt, 4/5 nội dung còn lại được đánh giá ở mức độ thực hiện trung bình. Bên cạnh đó, công tác tổng kết, rút kinh nghiệm và bồi dưỡng năng lực NCKH, năng lực QL hoạt động NCKH cho đội ngũ CBQL, GV, nhân viên các phòng ban vẫn chưa được đánh giá cao. Vì vậy, CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ cần có giải pháp thực hiện tốt các nội dung này trước khi bước vào một chu trình RBM mới.

3.3. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Các yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường đều có ảnh hưởng đến công tác QL hoạt động NCKH của GV của CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này được đánh giá

ở mức khá mạnh và rất mạnh với ĐTB đánh giá chung dao động trong khoảng 3,64 – 4,46.

3.4. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

3.4.1. Ưu điểm

3.4.1.1. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Về quá trình NCKH của GV, sau khi GV hoàn thành sản phẩm NCKH và bước vào giai đoạn điều chỉnh, phổ biến sản phẩm trong cộng đồng khoa học trước khi được vận dụng vào thực tiễn các bước trong quy trình NCKH được GV thực hiện ở mức khá tốt. Về sản phẩm NCKH của GV, tỉ lệ CBQL và GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ chưa đạt tổng số giờ chuẩn cần thực hiện trong năm học là khá thấp, số lượng sản phẩm NCKH của GV tăng dần qua từng năm, đầy đủ các loại hình sản phẩm. Về ảnh hưởng của hoạt động NCKH của GV, dù mức độ ảnh hưởng không cao nhưng GV và nhà trường cảm nhận tương đối rõ những lợi ích mà hoạt động NCKH của GV mang lại với năng lực, uy tín của GV và chất lượng đào tạo, vị thế của trường. Về tác động của hoạt động NCKH của GV, những tác động từ hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ chủ yếu là tích cực, thúc đẩy sự phát triển đời sống KT-XH trên địa bàn (dù chưa mạnh mẽ) và rất ít những ảnh hưởng tiêu cực, kéo lùi sự phát triển.

3.4.1.2. Trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Về công tác xây dựng chiến lược hoạt động NCKH của GV, CBQL bắt đầu hình dung, thiết kế được các chiến lược NCKH của GV dài hạn,

trung hạn và xây dựng có hoạch hoạt động NCKH của GV ngắn hạn cho mỗi năm học, có gửi lấy ý kiến toàn thể viên chức nhà trường trước khi HT kí ban hành. Về công tác triển khai và giám sát quá trình NCKH của GV, công tác tổ chức bộ máy QL và giao nhiệm vụ triển khai và giám sát quá trình NCKH của GV được thực hiện tương đối tốt, có sự phân quyền QL phù hợp, mạng lưới nhiệm vụ được thiết kế chặt chẽ. Về công tác đánh giá đầu ra của hoạt động NCKH của GV, các nội dung QL trong giai đoạn tiền đánh giá được chuẩn bị khá tốt. Về công tác tổ chức giải trình, học tập và rút kinh nghiệm hoạt động NCKH của GV, các trường đã thực hiện rất tốt việc công khai các báo cáo về hoạt động NCKH của GV của trường, rút ra được ưu điểm, hạn chế và có một số định hướng cải tiến.

3.4.1.3. Nguyên nhân

Do nhận thức đúng và đầy đủ của đội ngũ CBQL; Vị thế của một trường ĐHĐP giúp nhà trường thu hút nguồn lực; Đội ngũ CBQL cấp Phòng, Khoa đào tạo và các chuyên viên QL được tổ chức chặt chẽ, được trao quyền và giao nhiệm vụ phù hợp; Các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ đã xây dựng được quy chế hoạt động KH-CN riêng cho đơn vị của mình; Các trường đều có website riêng để phổ biến thông tin hoạt động của trường.

3.4.2. Hạn chế

3.4.2.1. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Về nguồn lực phục vụ hoạt động NCKH của GV, nhìn chung, tất cả các nguồn lực mới chỉ tương đối đáp ứng chứ chưa hoàn toàn đáp ứng được hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ. Về quá trình NCKH của GV, những hạn chế về năng lực NCKH cùng

với thái độ NCKH chưa phù hợp của GV và việc tiếp cận các nguồn lực phục vụ gặp nhiều khó khăn gây cản trở quá trình GV NCKH, các bước xây dựng ý tưởng và bắt tay vào thực hiện sản phẩm NCKH nội dung được thực hiện ở mức trung bình. Về sản phẩm hoạt động NCKH của GV, dù có sự tăng trưởng nhưng vẫn còn ít về số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH. Về ảnh hưởng của hoạt động NCKH của GV, thiếu các bằng chứng cụ thể để chứng minh ảnh hưởng mà sản phẩm NCKH của GV mang lại. Về tác động của hoạt động NCKH của GV, các loại tác động cũng không được đánh giá cao, các trường vẫn chưa quan tâm đến việc khảo sát, đo lường những tác động này.

3.4.2.2. Trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ

Về công tác xây dựng ma trận kết quả và dự báo rủi ro của hoạt động NCKH của GV mới ở mức trung bình ở tất cả các nội dung với ĐTB đánh giá chung dao động trong khoảng 3,05 – 3,37. Về công tác triển khai và giám sát quá trình NCKH của GV, 8/10 nội dung được đánh giá ở mức độ trung bình. Về công tác đánh giá đầu ra của hoạt động NCKH của GV, 2/5 nội dung còn lại được đánh giá ở mức độ thực hiện trung bình, đánh giá chưa cao công tác lưu trữ, công khai, xem xét lại kết quả đánh giá. Về công tác triển khai ứng dụng và đo lường kết quả đầu ra của hoạt động NCKH của GV, nhà trường chưa quan tâm QL chuyển giao KH-CN vì tính đặc thù của đề tài, khó khăn trong việc tìm đầu ra và kênh thông tin phối hợp với đơn vị nhận chuyển giao công nghệ là chưa đầy đủ. Về công tác thu thập thông tin và đánh giá tác động của hoạt động NCKH của GV, tương tự như công tác triển khai ứng dụng sản phẩm của hoạt động NCKH của GV, vẫn chưa được đánh giá cao. Về công tác tổ chức giải trình, học tập và rút kinh nghiệm hoạt động

NCKH của GV, 4/5 nội dung được đánh giá ở mức độ thực hiện trung bình, hiệu quả mang lại chưa cao. Bên cạnh đó, công tác tổng kết, rút kinh nghiệm và bồi dưỡng năng lực NCKH, năng lực QL hoạt động NCKH cho đội ngũ CBQL, GV, nhân viên các phòng ban vẫn chưa được đánh giá cao.

3.4.2.3. Nguyên nhân

- Về phía CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ: Năng lực QL hoạt động NCKH của GV của đội ngũ CBQL chưa thực sự hoàn thiện; CBQL nhà trường chưa thực hiện đúng quy trình xây dựng chiến lược và kế hoạch NCKH cho GV vì nhiều lý do; Các quy chế QL hoạt động NCKH chưa được quan tâm điều chỉnh, sửa chữa; Tỷ lệ phân bổ nguồn lực cho hoạt động NCKH của GV chưa phù hợp; Nhận thức chưa tường tận về chuỗi kết quả hoạt động NCKH.

- Về phía GV các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ: Nhận thức về hoạt động hoạt động NCKH còn hạn chế; Lực lượng GV có trình độ chuyên môn cao còn mỏng; Các GV trẻ còn thiếu kinh nghiệm tiến hành hoạt động NCKH; Phân bổ thời gian làm việc chưa hợp lý.

- Về các nguyên nhân khác: Sự đầu tư đáp ứng được nhu cầu hoạt động NCKH của GV của trường; Các mối liên hệ hợp tác KH-CN giữa nhà trường và các đơn vị, tổ chức KT-XH chưa thực chất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kết quả nghiên cứu trên trả lời cho câu hỏi nghiên cứu số 2 của luận án, là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất biện pháp QL phù hợp.

CHƯƠNG 4. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG KHU VỰC NAM BỘ TIẾP CẬN QUẢN LÝ THEO KẾT QUẢ

4.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

Nguyên tắc đảm bảo tính pháp lý; Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ; Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa; Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

4.2. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

- 1) Triển khai bồi dưỡng năng lực QL KH&CN tiếp cận RBM cho CBQL, chuyên viên
- 2) Triển khai bồi dưỡng năng lực NCKH cho GV
- 3) Tăng mức đầu tư tài chính, CSVCKT và nguồn lực thông tin phục vụ hoạt động NCKH của GV
- 4) Bảo đảm hiệu lực của chiến lược, kế hoạch và hạn chế rủi ro trong QL hoạt động NCKH của GV
- 5) Giao quyền triển khai quá trình thực hiện và tổ chức đánh giá kết quả NCKH của GV cho Trường Khoa, Viện
- 6) Tổ chức phối hợp với các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực, thúc đẩy chuyển giao và thương mại hoá kết quả NCKH của GV.

4.3. Tính cấp thiết, tính khả thi, mối liên hệ của các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

4.3.1. Mức độ cấp thiết và khả thi của các biện pháp

Về tính cấp thiết của các biện pháp, kết quả khảo sát cho thấy các biện pháp này được đánh giá chung ở mức cấp thiết với ĐTB chung dao động trong khoảng 3,95 – 3,98. Về tính khả thi của các biện pháp, kết quả khảo sát cho thấy các biện pháp này được đánh giá chung ở mức khả thi với ĐTB chung dao động trong khoảng 3,93 – 3,99.

4.3.2. Mối liên hệ giữa các biện pháp

Được xây dựng dựa trên tiếp cận RBM, đảm bảo nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ, 6 biện pháp với 21 nội dung cụ thể liên quan đến các nội dung QL mà luận án đề xuất đều thuộc chức trách của CBQL các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ mà trực tiếp là HT các trường và phân cấp QL có liên quan đến hoạt động KH-CN trong trường, giải quyết những vấn đề còn hạn chế trong QL hoạt động NCKH của GV, nằm trong tổng thể các hoạt động QL trường ĐH. Cùng với đó, giữa các biện pháp, giữa nội dung biện pháp cụ thể tồn tại mối quan hệ tác động qua lại với nhau, tương hỗ lẫn nhau, đều hướng đến nâng cao chất lượng công tác QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ.

4.4. Thực nghiệm biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ tiếp cận quản lý theo kết quả

4.4.1. Mô tả thực nghiệm

4.4.1.1. Nội dung và giả thuyết thực nghiệm

- Nội dung thực nghiệm: Thực nghiệm biện pháp 2 – Nâng cao kỹ năng, phẩm chất, thái độ NCKH cho GV.

- Giả thuyết thực nghiệm: Nếu thực hiện tốt các cách thức thực hiện QL nâng cao kỹ năng NCKH cho GV ở các trường ĐHDP khu vực Nam Bộ thì quá trình bồi dưỡng sẽ góp phần nâng cao năng lực, phẩm chất NCKH của GV các trường.

4.4.1.2. Phạm vi thực nghiệm

1) Thực nghiệm được tiến hành tại Trường ĐH Đồng Nai; 2) Thực nghiệm được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2024; 3) Mẫu thực nghiệm gồm 42 GV Khoa Sư phạm tiểu học – mầm non và các CBQL có liên quan.

4.4.1.3. Tiến trình thực nghiệm

Giai đoạn 1: Đề xuất tổ chức tập huấn.

Giai đoạn 2: Xây dựng kế hoạch tập huấn.

Giai đoạn 3: Chuẩn bị tổ chức tập huấn.

Giai đoạn 4: Tổ chức tập huấn.

Giai đoạn 5: Đánh giá và đề xuất hoạt động tiếp theo.

4.4.1.4. Chuẩn đánh giá, thang đánh giá kết quả thực nghiệm

1) Tiêu chuẩn 1: Sự thay đổi kỹ năng thiết kế NCKH GD của GV trước và sau khi thực nghiệm; 2) Tiêu chuẩn 2: Sự thay đổi kỹ năng viết bài báo khoa học GD của GV trước và sau khi thực nghiệm; 3) Tiêu chuẩn 3: Chương trình tập huấn, bồi dưỡng

4.4.2. Kết quả thực nghiệm

Về tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2, kết quả nghiên cứu cho thấy sau khi thực nghiệm, các kỹ năng NCKH của GV đã có sự cải thiện rõ rệt.

Về tiêu chuẩn 3, kết quả khảo sát sau khi tập huấn cho thấy GV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với chương trình tập huấn.

Báo cáo tập huấn cũng cho thấy CBQL Trường ĐH Đồng Nai, Khoa Sư phạm tiểu học – mầm non đã nhận thức được vai trò của công tác QL bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phẩm chất, thái độ NCKH cho GV, nhận thức được những tác dụng của hoạt động tập huấn mang lại, có động lực để triển khai thêm nhiều biện pháp QL để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của GV.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Kết quả này đã trả lời câu hỏi nghiên cứu số 3 của luận án, chứng minh hiệu quả của biện pháp QL hoạt động NCKH của GV tại các trường ĐHĐP khu vực Nam Bộ do luận án đề xuất.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Các kết quả nghiên cứu đáp ứng được mục đích nghiên cứu, giải quyết được nhiệm vụ nghiên cứu đề ra.

2. Khuyến nghị

Khuyến nghị đối với: Bộ Giáo dục và đào tạo; Ủy ban nhân dân các tỉnh; CBQL và GV các trường ĐHĐP.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1) Lê Thị Thanh Thủy. (2021). Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả (RBM). *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số 245 kì 2, tháng 7/2021, trang 51-55, ISSN 1859-0810.

2) Lê Thị Thanh Thủy. (2023). Quản lý hoạt động NCKH của GV trường ĐHSG theo tiếp cận mô hình QL sự thay đổi của Kotter. *Tạp chí Giáo dục số 23*, tháng 3/2023, trang 208-214, ISSN 2354-0753.

3) Lê Thị Thanh Thủy. (2024). Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học tiếp cận quản lý theo kết quả. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 318, tháng 8/2024, trang 229-331, ISSN 1859-0810.

4) Lê Thị Thanh Thủy. (2024). “Thực trạng ảnh hưởng từ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ”. *Tạp chí Giáo dục*, số 24, tháng 8/2024, trang 259-264, ISSN 2354-0753.

5) Lê Thị Thanh Thủy. (2024). “Mức độ đáp ứng nguồn lực đầu vào cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên tại các trường đại học địa phương khu vực Nam Bộ”. *Tạp chí Giáo dục*, số 24, tháng 8/2024, trang 326-331, ISSN 2354-0753.